

Bản án số: 163/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2022

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Liêu Văn Lộc

2/ Ông Phạm Thạch Út

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
không tham gia.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 18, ấp B, xã A, huyện C, An Giang

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp B,, xã A, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 8/8/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Thành H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thanh T kết hôn năm 1999, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ ông về chung sống với gia đình cha mẹ của ông. Được 01 năm sau đến năm 2000 ông và bà T có nhà ở riêng, cất nhờ trên đất của bà con cho. Sau đó ông

và bà T đi Bình Dương làm ăn, trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong việc làm ăn tiền bạc, không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn, tiền bạc... ông bỏ về quê sinh sống cho đến nay. Từ tháng 7 năm 2020 ông, bà không còn sống chung với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ và kéo dài thêm nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

-Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh Kim H, sinh năm: 2014. Hiện cháu đang sống với ông, sau ly hôn ông yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 2/11/2022 bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà thống nhất phần trình bày của ông H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu khi kết hôn thì vợ chồng sống ở quê, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Thời gian sau thì hai vợ chồng đi Bình Dương sinh sống, cuộc sống bắt đầu mâu thuẫn, ông H không phụ tiếp lo gia đình, tự bà lo cho gia đình từ tiền lương. Từ mùa dịch Covid ông H bỏ về quê đến nay, trong thời gian này ông H nuôi con, bà có đến thăm thì mẹ của ông H và ông H ngăn cản, đem con đi giấu không cho thăm con. Nay ông H muốn ly hôn thì ông H tự giải quyết, bà muốn sống cùng con nên không muốn ly hôn, bà thấy có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu ông H đồng ý giao con cho bà nuôi thì bà đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh Kim H, sinh năm: 2014. Thời gian trước đây cháu sống với ông H và bà, thời gian dịch bệnh thì cháu về sống với ông H và ở với ông H cho đến nay. Thời gian cháu sống với ông H thì bà gặp khó khăn khi thăm cháu, ông H không cho gặp, gây khó khăn. Do đó bà yêu cầu nuôi con, vì bà biết ông H không có khả năng nuôi con, ông H chỉ đi làm thuê mướn, còn bà đang đi làm ở công ty, có thu nhập nên có khả năng nuôi con. Nếu nuôi con bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thanh T kết hôn năm 1999, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn kết hôn tại UBND xã A, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Mối quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T với khoảng thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng khi vợ chồng đi làm ăn sinh sống ở Bình Dương thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong việc làm ăn tiền bạc, không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn, tiền bạc... ông

bỏ về quê sinh sống cho đến nay. Từ tháng 7 năm 2020 ông, bà không còn sống chung với nhau nữa. Tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Còn bà T cho rằng thời gian đầu khi kết hôn thì vợ chồng sống ở quê, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Thời gian sau thì hai vợ chồng đi Bình Dương sinh sống, cuộc sống bắt đầu mâu thuẫn. Nay nếu ông H muốn ly hôn thì ông H tự giải quyết, bà muốn sống cùng con nên không muốn ly hôn, bà thấy có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu ông H đồng ý giao con cho bà nuôi thì bà đồng ý ly hôn. Xét thấy với ông H và bà T khi sinh sống dù đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà dẫn đến ly thân nhau. Trong suốt thời gian ly thân hơn một năm nay nhưng cả hai bên cũng không tới lui hàn gắn tình cảm hôn nhân của mình, bỏ mặc và không còn quan tâm cuộc sống của nhau. Bà T không đồng ý ly hôn muốn hàn gắn đoàn tụ nhưng bà không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, hiện tại ông H xác định không còn tình cảm và không mong muốn hàn gắn tình cảm với bà T. Do đó, hôn nhân của ông H và bà T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh Kim sinh năm: 2014. Hiện cháu đang sống với ông Hoàng, sau ly hôn ông H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Còn bà T trình bày thời gian trước đây cháu H sống với bà, thời gian dịch bệnh thì cháu về sống với ông H và ở với ông H cho đến nay. Thời gian cháu sống với ông H thì bà gặp khó khăn khi thăm cháu, ông H không cho gặp, gây khó khăn. Do đó bà yêu cầu nuôi con, vì bà biết ông H không có khả năng nuôi con, bà đang đi làm ở công ty nên khả năng nuôi con. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại tờ tự khai ngày 2/11/2022 của cháu Huệ thì cháu có nguyện vọng sống với cha khi cha mẹ ly hôn, tại phiên tòa hôm nay cháu cũng có nguyện vọng được sống với ông H. Xét thấy hiện tại cháu đang sống với ông H cháu cũng chăm sóc ổn định, được đi học, còn bà Thiện đi làm ở Bình Dương, phải sống nhà trọ chưa có nhà ổn định cho cuộc sống và việc học của cháu. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để ông H được tiếp tục nuôi cháu Huệ là phù hợp, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Ông H phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi bà thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh H. Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 40/KH, ngày 8/9/1999 của Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh Kim H , sinh năm: 2014. Sau ly hôn ông Nguyễn Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh Kim H, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi bà thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003825 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2022).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung